

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đề án tuyển sinh sau đại học năm 2025

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ TT 03/2022/TT- BGDDT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

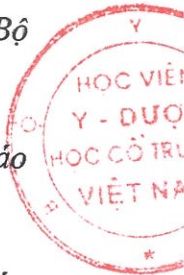
Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo trình độ Tiến sĩ, chuyên ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;



Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Cục Khoa học công nghệ và đào tạo Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú năm 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2003/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Bộ Giáo dục và đào tạo và Bộ Y tế Về việc hướng dẫn chuyển đổi văn bằng giữa các văn bằng và trình độ đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2025 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trường phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính - Tổng hợp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
Y - DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN
VIỆT NAM
Nguyễn Quốc Huy

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số: 843 /QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2025
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo: Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam

2. Mã trường: HYD

3. Địa chỉ trụ sở: Số 2, đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: www.vutn.edu.vn

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

Địa chỉ trang Fanpage của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam:

<https://www.facebook.com/hvydvn/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vutn.edu.vn>.

7. Giá trị cốt lõi, tầm nhìn, sứ mạng của Học viện

7.1. Giá trị cốt lõi của Học viện

Thừa kế - Phát triển; Đoàn kết – sáng tạo; Chất lượng – Hiệu quả.

- **Thừa kế - Phát triển:** Thừa kế kiến thức của nhân loại về hóa dược, của cha ông về y học cổ truyền, kết hợp Y học hiện đại với Y học cổ truyền trong phát triển nghề dược hiện đại để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người.

- **Đoàn kết - Sáng tạo:** Có sáng tạo mới tìm ra những cái mới trong khoa học kỹ thuật, trong y học, để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người. Sáng tạo là nền tảng tạo ra các phát minh, ứng dụng thiết thực, giúp người học có thể thích ứng và quản lý tốt những thay đổi trong môi trường công việc ở tương lai.

- **Chất lượng - Hiệu quả:** là khái niệm cho thấy khả năng thoả mãn nhu cầu của các bên liên quan trong đào tạo và nghiên cứu của Học viện. Đánh giá chất lượng của một cơ sở giáo dục phải đứng trên quan điểm của sinh viên và nhà tuyển dụng. Học viện sử dụng chất lượng như là một công cụ có thể đo lường chỉ số hài lòng của các bên liên quan của Học viện

7.2. Tầm nhìn, sứ mạng của Học viện

* **Sứ mạng:** Đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, chuyên sâu về Y học cổ truyền, Y khoa, Dược học và các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; nghiên cứu khoa học, thừa kế, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; chuyển giao trí thức, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu phục vụ xã hội và đất nước.

* **Tầm nhìn:** Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại góp phần phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

8. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<http://vutn.edu.vn/vi/tuyen-sinh-sau-dai-hoc.nl.html>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Tiến sĩ: Xét tuyển
- Thạc sĩ: Thi tuyển và xét tuyển
- CKI: Thi tuyển
- CKII: Thi tuyển
- BSNT: Thi tuyển

8.2. Điểm trúng tuyển của 5 năm gần nhất

8.2.1. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)
1. Nghiên cứu sinh			
2020	0	0	0
2021	1	1	0
2022	4	3	3
2023	5	4	4
2024	10	5	5
2. Học viên cao học			
2020	58	58	58
2021	48	48	48
2022	28	28	28
2023	29	28	28
2024	65	60	60
3. CKI YHCT			
2020	134	134	134
2021	120	120	120
2022	141	141	141
2023	157	149	147
2024	185	160	160
4. CKII YHCT			
2020	32	32	32

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)
2021	14	14	14
2022	14	14	14
2023	33	33	32
2024	59	59	58
5. BSNT			
2020	6	6	6
2021	3	3	3
2022	4	4	4
2023	8	7	7
2024	16	7	7
6. CKI CC			
2023	7	7	7
2024	2	2	2
7. CKI DL-DHCT			
2023	3	3	3
2024	3	3	3

8.2.2. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Đối tượng	Năm tốt nghiệp					
	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ	0	0	0	0	1	0

Đối tượng	Năm tốt nghiệp					
	2019	2020	2021	2022	2023	2024
thành công luận án tiến sĩ						
2. Học viên tốt nghiệp cao học	39	26	39	52	59	52
3. Chuyên khoa 1 YHCT	109	150	137	133	128	138
4 Chuyên khoa 2 YHCT	3	14	10	33	14	12
5 Bác sĩ nội trú	0	0	0	06	4	6

8.2. 3. Quy mô đào tạo sau đại học thời điểm xác định năng lực và chỉ tiêu tuyển sinh

Đối tượng	Quy mô	Dự kiến tốt nghiệp	Dự kiến chỉ tiêu
1. Nghiên cứu sinh	13	0	5
2. Học viên thạc sĩ	98	38	60
2.1. Học viên thạc sĩ định hướng nghiên cứu	68	38	30
2.2. Học viên thạc sĩ định hướng ứng dụng	30	0	30
3. Chuyên khoa 1 YHCT	307	147	180
4 Chuyên khoa 2 YHCT	107	32	65
5 Bác sĩ nội trú	18	3	10
6. Chuyên khoa 1 Châm cứu	13	7	15
7. Chuyên khoa 1 Dược liệu - Dược học cổ truyền	6	3	15
8 Đối với các mã ngành đề xuất Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo năm 2025 sẽ thực hiện theo đề án được phê duyệt			

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Nghiên cứu sinh	9720115	484/QĐ-BGDĐT	17/02/2014	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014	2024
2.	Học viên thạc sĩ	8720115	1501/QĐ-BGDĐT	01/04/2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2024
3	Chuyên khoa 1 YHCT		392/QĐ-BYT	25/10/2005	Bộ Y tế	2006	2024
4	Chuyên khoa 2 YHCT		1224/QĐ-BYT	15/04/2009	Bộ Y tế	2009	2024
5	Bác sĩ nội trú		1730/QĐ-BYT	24/05/2010	Bộ Y tế	2010	2024
6	Chuyên khoa 1 Châm cứu		3015/QĐ-BYT	10/11/2022	Bộ Y tế	2023	2024

7	Chuyên khoa 1 Dược liệu - Dược học cỏ truyền		3015/QĐ- BYT	10/11/2022	Bộ Y tế	2023	2024
---	--	--	-----------------	------------	---------	------	------

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng tuyển sinh và đào tạo Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1. Tổ chức nhân lực

1.1. Tổ chức

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cỏ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cỏ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cỏ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cỏ truyền Việt Nam về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cỏ truyền Việt Nam.

1.2. Nhân lực:

Tính đến ngày 31/12/2024 Giảng viên Học viện Y - Dược học cỏ truyền Việt Nam:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	2	0	2

2	Phó Giáo sư	09	09	0	18	0	36
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ hoặc tương đương	48	16	0	86	0	150
5	Thạc sĩ	138	18	0	128	0	284
6	Đại học	12	0	0	0	0	12
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	207	43	0	234	0	484

2 Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 22.739m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: Không
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 2,9m²/1 sinh viên.

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	30	4209
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5	886,6
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	16	1587,3
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	226

1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	0
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	253,1
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	4	124,25
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1132
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	10398
	Tổng	49	14607

3. Điều kiện bảo đảm chất lượng khác

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam: <http://vutm.edu.vn/vi/ba-cong-khai.nl.html>

Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vutm.edu.vn/vi/tuyen-sinh-sau-dai-hoc.nl.html>

Đường link công khai Quy chế đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện:

<http://vutm.edu.vn/vi/quy-che-dao-cao-tao.nl.html>

Đường link công khai CDR đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vutm.edu.vn/vi/cac-chuan-dau-ra-431.nl.html>

Đường link công khai Chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vutm.edu.vn/vi/khung-chuong-trinh-dao-cao-tao-de-cuong-chi-tiet-429.nl.html>

Đường link công khai Thông tin thư viện trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://thuvien.vutm.edu.vn/>

Đường link công khai Thông tin Luận văn luận án trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vutm.edu.vn/vi/dao-cao-tao-sau-dai-hoc.nl.html>

4. Nguồn lực phục vụ đào tạo và nghiên cứu

4.1. Cơ sở thực hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. (Phụ lục 1)

4.2. Danh sách giảng viên của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

- Danh sách giảng viên cơ hữu . (Phụ lục 2)
- Danh sách giảng viên thỉnh giảng . (Phụ lục 3)

THÔNG TIN TUYỂN SINH

III. Căn cứ pháp lý xác định năng lực và chỉ tiêu tuyển sinh

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.

Căn cứ TT 03/2022/TT- BGD-ĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo trình độ Tiến sĩ, chuyên ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Cục Khoa học công nghệ và đào tạo Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú năm 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2003/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Về việc hướng dẫn chuyển đổi văn bằng giữa các văn bằng và trình độ đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);

2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Đối tượng	Dự kiến chỉ tiêu	Thi tuyển	Xét tuyển
1. Nghiên cứu sinh	05	0	05
2. Học viên thạc sĩ	60	53	07
2.1. Học viên thạc sĩ định hướng	30	23	07

ngiên cứu ngành YHCT			
2.2. Học viên thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành YHCT	30	30	00
3. Chuyên khoa 1	180	180	00
Chuyên khoa 1 YHCT	180	180	00
4. Chuyên khoa 2 YHCT	65	65	00
5. Bác sĩ nội trú	10	10	00
6. Chuyên khoa 1 Châm cứu	15	15	00
7. Chuyên khoa 1 Dược liệu - Dược học cổ truyền	15	15	00

3. Tuyển sinh trình độ Tiến sĩ

3.1. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức: Đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 3- 4 năm

3.2. Phương thức và số lần tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển
- Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.

3.3. Điều kiện dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc tốt nghiệp các trình độ đào tạo ngành Y học cổ truyền bậc 7 hoặc tương đương hoặc tốt nghiệp đại học ngành gần hoặc ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Y học cổ truyền hạng giỏi trở lên;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 6).

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện là tiếng Anh hoặc tiếng Trung.

d) Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BĐĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BĐĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền đạt yêu cầu tốt nghiệp loại giỏi có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; (đối với người có bằng tốt

nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có điểm trung bình xếp loại giỏi trở lên áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học). Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

e) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

3.4. Hồ sơ xét tuyển (mẫu Phụ lục 4)

a) Đơn xin xét tuyển (*theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển*)

b) Lý lịch khoa học.

c) Bản sao văn bằng, bảng điểm công chứng tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ, tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7; Chứng chỉ, bảng điểm ngoại ngữ công chứng.

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 của điều kiện dự tuyển.

đ) Đề cương nghiên cứu (*theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển*), bài luận; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

h) Giấy xác nhận thời gian công tác (Đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ);

i) Các giấy tờ khác gồm có: Bản sao giấy khai sinh; 04 ảnh 3x4 và 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận; Giấy chứng nhận sức khỏe; Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng; Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);

k) Giấy chấp thuận hướng dẫn của người dự kiến hướng dẫn: Được sự đồng ý chấp thuận hướng dẫn bằng văn bản của người dự kiến hướng dẫn đủ tiêu chuẩn theo quy chế, quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ.

l) Lý lịch khoa học của người dự kiến hướng dẫn

3.5. Điều kiện xét tuyển và trúng tuyển

3.5.1. Điều kiện xét tuyển: Căn cứ tiêu chí xét tuyển

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ của ứng viên dự tuyển: phải đạt tất cả các tiêu chí xét (Phụ lục 5)

- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu, kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa, báo cáo tổng quan và phỏng vấn báo cáo đề cương đánh giá năng lực của ứng viên dự tuyển tối đa 10 điểm, các mục thành phần phải có điểm (không có mục nào điểm 0), tổng điểm phải đạt từ 5,0 điểm. Trong đó điểm phần 1 (nội dung khoa học) phải đạt từ 3,5 điểm trở lên (Phụ lục 5)

3.5.2. Xét trúng tuyển:

- Căn cứ kết quả phần 1 và kết quả phần 2 từ cao xuống thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu tuyển sinh.

- Trường hợp ứng viên có tổng điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 2. Nữ.

4. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu

4.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Y học cổ truyền và hạng tốt nghiệp trình độ đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu tốt nghiệp từ hạng khá trở lên (đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành

y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có điểm trung bình xếp loại khá trở lên áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học) hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập và nghiên cứu. Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 6).

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

4.2. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

4.2.1. Xét tuyển:

- Áp dụng đối với các ứng viên đăng ký tuyển sinh chương trình Thạc sĩ định hướng nghiên cứu đáp ứng đủ điều kiện tại mục 4.1

- Các ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục 4.1 đối với người nước ngoài .

4.2.2. Thi tuyển

- Tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục 4.1.

4.2.3. Số lần tuyển sinh và địa điểm tuyển sinh

- Tuyển sinh: 2 lần/năm.

- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội.

4.3. Các môn thi tuyển sinh

4.3.1. Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Lý luận cơ bản Y học cổ truyền.

- Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Bệnh học Y học cổ truyền.

4.3.2. Xét tuyển

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ ứng viên (Phụ lục 7)

- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên (Phụ lục 7)

4.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:
 - Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
 - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

4.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

4.5.1. Xét tuyển chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu:

- Phần 1: Hồ sơ đạt yêu cầu quy định tại phần 4.1
- Phần 2: Tổng điểm phải đạt từ 7.0 điểm trở lên
- Căn cứ kết quả xét tuyển xếp thứ tự đến hết chỉ tiêu.
- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. Các đối tượng ưu tiên; 4. nữ.

4.5.2. Thi tuyển chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu:

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.
- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình

đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. nữ.

4.5.3. Hình thức đào tạo: Tập trung 02 năm

5. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng ứng dụng

5.1. Đối tượng và điều kiện dự thi

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Y học cổ truyền.

b) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDDT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDDT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định

hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 6).

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

5.2. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam và xét tuyển đối với ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

- Tuyển sinh: 2 lần/năm.

- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội.

5.3. Các môn thi tuyển sinh

Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Lý luận cơ bản Y học cổ truyền.

- Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Bệnh học Y học cổ truyền.

5.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).

2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì)
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:
 - Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
 - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ)
12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

5.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

5.6 Hình thức đào tạo: Chính quy

6. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

6.1. Điều kiện dự thi

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận.

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền hoặc tương đương.

- Có chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền. Đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012 (theo Thông tư số 41/2011/TT-BYT) cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành.

6.2. Hình thức đào tạo: chính quy

- Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập trong 05 năm.

6.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết cụ thể như sau:

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Sinh lý

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Y học cổ truyền.

6.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.
7. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (bản sao công chứng hợp lệ).

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

6.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên .

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

7. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Châm cứu

7.1. Điều kiện dự thi

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học nhưng phải kèm theo giấy chứng nhận đã qua đào tạo bổ sung ngành YHCT hoặc chuyên ngành phù hợp với thời gian đào tạo ít nhất là 12 tháng tại cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam. Hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ đa khoa hoặc bác sĩ y khoa và có thêm chứng chỉ định hướng chuyên khoa YHCT (hoặc chứng chỉ chuyên khoa định hướng YHCT hoặc chứng chỉ chuyên khoa sơ bộ YHCT hoặc chứng chỉ sơ bộ chuyên khoa YHCT hoặc chứng chỉ đào tạo liên tục định hướng chuyên khoa YHCT được tuyển sinh và đào tạo trước ngày 09 tháng 07 năm 2019, chứng chỉ đào tạo liên tục y học cổ truyền cơ bản với thời gian từ 06 tháng trở lên).

- Có chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT. Đối với những bác sĩ làm việc liên tục trong ngành YHCT từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự tuyển được đăng ký dự thi.

- Đủ sức khỏe học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa cấp I tại Việt Nam phải đảm bảo các điều kiện trên và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

7.2. Hình thức đào tạo: chính quy

- Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.
- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập trong 05 năm.

7.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Giải phẫu.

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Y học cổ truyền.

7.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.
7. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

7.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

8. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền

8.1. Điều kiện dự thi

- Có bằng Dược sĩ đại học và có chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Dược hoặc có xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng sau tốt nghiệp Dược sĩ đại học.

- Đủ sức khỏe học tập và phục vụ lâu dài trong ngành y tế.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp có xác nhận đang công tác trong chuyên ngành dự thi (đối với thí sinh đang công tác tại cơ quan, đơn vị).

8.2. Hình thức đào tạo: chính quy

Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

8.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Hóa phân tích

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Dược liệu - Dược học cổ truyền

8.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).

2. Sơ yếu lý lịch.

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe.

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).

6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.

7. Chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Dược (bản sao công chứng hợp lệ) hoặc có xác nhận thời gian làm việc thuộc lĩnh vực Dược tối thiểu 12 tháng sau tốt nghiệp Dược sĩ đại học.

8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).

9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.

10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

8.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

9. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền

9.1. Điều kiện dự thi

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận.

- Có đủ sức khỏe (theo quy định tại thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: sau khi tốt nghiệp Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc có chứng chỉ khám bệnh, chữa bệnh.

9.2. Hình thức đào tạo

- Hệ tập trung: Học tập trung liên tục 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập không quá 04 năm.

9.3. Các môn thi tuyển: hình thức thi viết

1. Môn ngoại ngữ (thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết) : Một trong các ngoại ngữ: Anh, Trung. Mức độ đề thi tương đương trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 hoặc tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2025 quyết định): Y học cổ truyền, trình độ Chuyên khoa I.

9.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Giấy khai sinh (Bản sao công chứng hợp lệ).
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền (Bản sao công chứng hợp lệ).

7. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (Bản sao công chứng hợp lệ)

8. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.

9. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm trình độ Đại học; Chuyên khoa I; Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền (Bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp tại nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm, Học vị (nếu có) (Bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bản sao công chứng hợp lệ).

10. Bằng tốt nghiệp khác, bảng điểm (Bản sao công chứng hợp lệ).

11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

9.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo CKI cao hơn; 2. nữ.

10. Tuyển sinh trình độ Bác sĩ nội trú ngành y học cổ truyền

10.1. Điều kiện dự tuyển:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền và đạt từ loại khá trở lên.

- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên và chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cấp trong thời gian không quá hai năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe, thai sản).

- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành.

- Học viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, nếu có đủ các điều kiện trên được xét miễn thi tuyển.

10.2. Hình thức đào tạo

- Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: Thi tuyển.

- Tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: 01lần/năm.

- Thời gian đào tạo: 03 năm.

- Học viên phải thường trú tại Học viện.

- Học viên sinh con trong thời gian học, bắt buộc phải nghỉ học theo chế độ thai sản hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và con.

10.3. Các môn thi tuyển: Thi viết

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh và đào tạo BSNT có hiệu lực tại thời điểm thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú của Học viện.

Thí sinh đạt trình độ bậc 3/6 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam – Theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT được miễn thi ngoại ngữ.

10.4. Hồ sơ dự thi

1. Phiếu đăng ký dự thi ghi rõ chuyên ngành xin học, môn ngoại ngữ dự thi và cam kết chấp hành phân công công tác sau khi tốt nghiệp (Theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).

2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của trường đại học.

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe (dùng cho người đủ 18 theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 05 năm 2013).

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì) và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

6. Bản sao bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học (công chứng).

7. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, công chứng).

8. Chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ (nếu có, công chứng).

10.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi chuyên ngành từ 7,0; đối với các môn thi còn lại đạt 5,0 trở lên và đạt trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo đại học cao hơn; 2. nữ.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Áp dụng đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, BSNT.

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người có Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Mức ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng mười điểm (10 điểm) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (1 điểm) vào kết quả thi cho một trong hai môn thi (thang điểm 10).

Ghi chú:

- Các thí sinh thuộc diện ưu tiên đề nghị nộp giấy xác nhận ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền khi nộp hồ sơ (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ).

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ theo khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2024 đối với đợt 1 và năm 2024 đối với các đợt thi sau đợt 1.

V. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

1. Đợt I năm 2025 (dự kiến)

1.1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 10/03/2025.

1.2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00 ngày 17/ 03/ 2025 đến 16h30 ngày 28/ 4/ 2025.

1.3. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <http://saudaihoc.vutm.edu.vn/>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (theo hướng dẫn đính kèm).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội.

1.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.

- Đối với nghiên cứu sinh: 2.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).

- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

3.5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 23/05/2025.

3.6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

1.5. ÔN THI

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 05/05/2025 đến 31/05/2025

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo Sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

1.6. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM THI, XÉT TUYỂN

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 07 - 08/06/2025.

- Ngày xét tuyển dự kiến: dự kiến ngày 23 - 27/06/2025

- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo sau đại học.

- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2025 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>.

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

2. Đợt II năm 2025 (dự kiến)

2.1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 21/ 07/2025.

2.2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00' ngày 04/ 08/ 2025 đến 16h30' ngày 04/ 9/ 2025.

2.3.. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <http://saudaihoc.vuttm.edu.vn/>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (*theo hướng dẫn đính kèm*).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội.

2.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.

- Đối với nghiên cứu sinh: 2.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).

- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 18/9/2025

6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

2.5. ÔN THI

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 08/09/2025

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo Sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

2.6. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM THI

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 10,11,12/10/2025.

- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo sau đại học.

- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2025 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

VI. Công bố kết quả thi và dự kiến nhập học

1. Công bố kết quả thi

- Công bố kết quả thi: dự kiến đợt 1 trước 17/7/2025; Đợt 2 trước 15/11/2025

- Nhập học dự kiến đợt 1: 8/2025; Đợt 2: 11/2025

2. Quy trình nhập học, giám sát nhập học và hồ sơ nhập học:

2.1. Quy trình nhập học, giám sát nhập học: (Phụ lục 8)

2.2. Thủ tục hồ sơ nhập học:

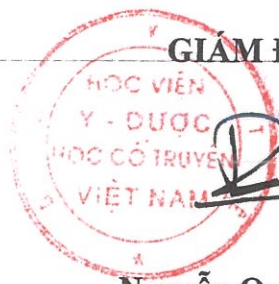
- Danh mục hồ sơ trúng tuyển nhập học thực hiện theo thông báo nhập học

- Các khoản kinh phí cần nộp thực hiện theo thông báo nhập học

3. Quy định về phương án, kế hoạch thanh tra và kiểm tra kỳ thi tuyển sinh hoặc xét tuyển tiến sĩ, thạc sĩ và các trình độ khác

Quy định về phương án, kế hoạch thanh tra và kiểm tra kỳ thi tuyển sinh hoặc

xét tuyển tiến sĩ, thạc sĩ và các trình độ khác thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025./.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Huy

**BÁO CÁO SƠ CƠ SỞ THỰC HÀNH
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số 843/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3... năm 2025 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Ngành/ Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP						Tên cơ sở thực hành khác				
	Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Đường link để tải công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Danh sách giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
T											
T											
Y học cổ truyền	Bệnh viện Tuệ Tĩnh Bệnh viện YHCT TW Quân Đội	Đang triển khai Đã công bố Chưa công bố	YHCT Trung ương								
I	Thạc sỹ, CKI, CKII, BSNT										
	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai							32 BV YHCT	Đang triển khai	



Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương	tuyển tỉnh		
	Bệnh viện YHCT Quân Đội	Đang triển khai				
	Bệnh viện Châm cứu TW					
	BV 19.8	Đã công bố	BV 19-8			
	Bệnh viện Thanh Nhân	Đã công bố	Thanh Nhân			
	III Đại học chính quy					
	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai				
	BV YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương			
	BV YHCT Quân đội	Chưa công bố				
	BV Châm cứu TW	Đã công bố				
BV YHCT Bộ CA	Đã công bố	YHCT Bộ Công an				
BV ĐK YHCT Hà Nội	Đã công bố	ĐK YHCT Hà Nội				
BV YHCT Hà Đông	Đã công bố	YHCT Hà Đông				

BV Xanh Pôn	Đã công bố								
BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	ĐK Hà Đông							
BV PHCN HN	Đã công bố	Bệnh viện PHCN							
BV Đống Đa	Đã công bố	Đa khoa Đống Đa							
BV Tâm thần TW									
BV Việt Đức	Đã công bố	Việt Đức						BV Bạch Mã Đã công bố	<u>Bạch Mai</u>
BV Mắt TW									
BV Nhi TW	Đã công bố	Nhi							
BV TMH TW									
BV E	Đã công bố	<u>BV E</u>							
BV Nội tiết TW	Đã công bố	<u>Nội tiết</u>							
BV Da liễu TW	Đã công bố	<u>Da liễu</u>							
BV 19.8 - Bộ CA	Đã công bố	<u>BV 19-8</u>							
BV Phụ sản HN	Đang triển khai								
BV Thanh Nhàn	Đã công bố	<u>Thanh Nhàn</u>							

BV Xanh Pôn	Đã công bố								
BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	<u>ĐK Hà Đông</u>							
BV ĐK YHCT Hà Nội	Đã công bố	<u>ĐK YHCT Hà Nội</u>							
BV PHCN HN	Đã công bố	<u>Bệnh viện PHCN</u>							
BV Đống Đa	Đã công bố	<u>Đa khoa Đống Đa</u>							
BV Tâm thần TW									
BV Mắt Hà Đông	Đã công bố	<u>Mắt Hà Đông</u>							
BV Thanh Nhàn	Đã công bố	<u>Thanh Nhàn</u>							
BV Xanh Pôn	Đã công bố								
BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	<u>ĐK Hà Đông</u>							
BV Ung Bướu Hà Nội	Đã công bố	<u>Ung bướu HN</u>							
Công ty Dược Khoa									
Công ty dược phẩm Mediplantex									

- * Danh sách 32 BV YHCT tuyển tình (Thực tập nghề nghiệp, thực hành lâm sàng CKI, CKII)
1. BV YHCT 15. BV YHCT Hòa Bình
 2. BV YDCT 16. BV YHCT Điện Biên
 3. BV YHCT 17. BV YHCT Lai Châu
 4. BV YDCT 18. BV YHCT Lạng Sơn
 29. Viện Y học dân tộc TP HCM
 30. BV 175
 31. BV Thủ Đức, TP HCM
 32. BV YHCT Thái Bình

5. BV YHCT 19. BV YHCT Lào Cai
6. BV YDCT 20. BV YHCT Nam Định
7. BV YDCT 21. BV YHCT Nghệ An
8. BV YDCT 22. BV YHCT Ninh Bình
9. BV YDCT 23. BV YHCT Thái Nguyên
10. BV YDC 24. BV YHCT Quảng Nam
11. BV YHC 25. BV YHCT Vĩnh Phúc
12. BV YHC 26. BV YHCT Yên Bái
13. BV YHC 27. BV YDCT & PHCN Bắc Ninh
14. BV YHC 28. BV YDCT & PHCN Phú Thọ 3

**DANH SÁCH GIÁNG VIÊN CƠ HỮU
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

Đơn vị báo cáo: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
I	<i>Tiến sĩ</i>	Đậu Xuân Cảnh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Kim Ngân	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Đức Hữu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Quốc Bình	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đoàn Minh Thụy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
1	Ngành Y học cổ truyền	Tống Thị Tam Giang	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
II	<i>Thạc sĩ</i>				
		Phạm Quốc Bình	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đậu Xuân Cảnh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Tống Thị Tam Giang	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Đức Hữu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đoàn Quang Huy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Chi Lê	X	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học
		Đinh Thị Hồng Minh	X	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục
		Trần Thị Hồng Ngải	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Kim Ngân	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đàm Tú Quỳnh	X	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng
	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Thủy	X	Tiến sĩ	Trung Y Phụ khoa

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Đoàn Minh Thủy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Thanh Tùng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Thủy Phương	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Quang Minh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Thu Vân	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Thu Hương	X	CKII	Y học cổ truyền
		Lưu Minh Châu	X	Tiến sĩ	Vệ sinh học xã hội và tổ chức y tế
		Trần Thị Kim Thư	X	CKII	Nội - Nội tiết
		Lê Mạnh Cường	x	PGS. Tiến sĩ	Ngoại tiêu hóa
		Lê Thúy Hạnh	X	CKII	Y học cổ truyền
		Nguyễn Minh Hà	X	CKII	Y học cổ truyền
		Phạm Vũ Khánh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
III	Chuyên khoa I				
		Vũ Nam	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Hồng Ngái	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thủy	X	Tiến sĩ	Trung Y Phụ khoa
		Trần Thị Thu Hương	X	CKII	Y học cổ truyền
		Phạm Thanh Tùng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đoàn Minh Thủy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đặng Ánh Ngọc	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Quách Thị Yến	X	Tiến sĩ	Y học
		Nguyễn Minh Hà	X	CKII	Y học cổ truyền
		Lê Mạnh Cường	x	PGS. Tiến sĩ	Ngoại tiêu hóa
		Lê Thúy Hạnh	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
		Phạm Vũ Khánh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền

Ngành Y học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Lưu Minh Châu	X	Tiến sĩ	Y học
		Nguyễn Quốc Huy	X	PGS. Tiến sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Nguyễn Văn Quân	X	Tiến sĩ	Tổ chức Quản lý dược
	Ngành Dược - Dược học cổ truyền	Trần Thị Thu Hiền	X	Tiến sĩ	TS Dược học chuyên ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền
		Nguyễn Thị Minh Thu	X	Tiến sĩ	Dược lý
		Vũ Đức Lợi	X	PGS. Tiến sĩ	Dược học cổ truyền
	Ngành Châm cứu	Trần Đức Hữu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Văn Thanh	X	PGS. Tiến sĩ	Thần kinh
IV	Chuyên khoa II				
		Phạm Quốc Bình	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đậu Xuân Cảnh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đoàn Quang Huy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Kim Ngân	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Chi Lê	X	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học
		Hoàng Cao Hiếu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phan Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Hải	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trương Anh Tuấn	X	Tiến sĩ	Châm cứu
		Đinh Thị Hồng Minh	X	Tiến sĩ	Châm cứu
		Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục
		Tống Thị Tam Giang	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Quang Minh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Nguyễn Thị Hồng Loan	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
		Trần Thị Kim Thư	X	Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
V	<i>Bác sĩ nội trú</i>				
1	Ngành Y học cổ truyền	Trần Thị Thu Vân	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Thùy Phương	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Đức Minh	X	PGS Tiến sĩ	Y học cổ truyền
VI	<i>Đại học</i>				
		Trần Quang Minh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thế Anh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Việt Anh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Bình	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Phạm Quốc Bình	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đậu Xuân Cảnh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Lưu Minh Châu	X	Tiến sĩ	Y học
		Nguyễn Vinh Huy Chính	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Đỗ Thị Thanh Chung	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Khắc Điền	X	Thạc sĩ	Vật lý địa cầu
		Nguyễn Đình Điệp	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Lê Văn Dũng	X	Thạc sĩ	Vi sinh vật học
		Nguyễn Thùy Dương	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Tống Thị Tam Giang	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Minh Hà	X	Bác sĩ nội trú	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Hà	X	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Trần Thanh Hà	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Hải	X	Tiến sĩ	Châm cứu
		Quách Thị Diễm Hằng	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Lê Thúy Hạnh	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
		Trịnh Thị Hào	X	Thạc sĩ	Di truyền học
		Hoàng Cao Hiếu	X	Tiến sĩ	Nội khoa Trung y
		Vì Thị Hiếu	X	Thạc sĩ	Di truyền học
		Phan Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Việt Hoàng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Hoàng Thúy Hồng	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Đình Thị Hương	X	Thạc sĩ	Luật y học và pháp y
		Phạm Thị Thanh Hương	X	Thạc sĩ	Di truyền học
		Trần Đức Hữu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Đoàn Quang Huy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Huyền	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thanh Huyền	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Khiêm	X	Thạc sĩ	Nhi khoa
		Nguyễn Hữu Khoa	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Lan	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Vương Thị Mai Linh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Bùi Phương Mai	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Mai Thúy Mai	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Nguyễn Phạm Thu Mây	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Hồng Minh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Thị Minh	X	Thạc sĩ	Nội khoa (Nội tiêu hóa)
		Lữ Đoàn Hoạt Mười	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Cù Thị Bích Thủy	X	Thạc sĩ	Mô phôi
		Nguyễn Thị Thủy	X	Tiến sĩ	Trung Y Phụ khoa
		Đoàn Minh Thủy	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thu Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Phùng Thùy Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Vũ Thị Tố Trinh	X	Thạc sĩ	Phụ khoa trung y
		Lưu Minh Trung	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Trương Anh Tuấn	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Đình Thị Tuyết	X	Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý
		Hoàng Thị Tuyết	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Tuyết	X	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
		Trần Thị Vân	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
		Đỗ Thị Thanh Xuân	X	Thạc sĩ	Sư phạm Toán
		Phạm Thị Cẩm Yên	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Hồng Yên	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Vũ Khánh	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Quang Ngọc Khuê	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Thu Hà	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Trương Thị Minh Trang	X	Thạc sĩ	Luật học ngành Quyền con người
		Vũ Nam	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phùng Thị Huyền	X	Tiến sĩ	Ung thư
		Trần Thái Hà	X	PGS. Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Lê Thu Hiền	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Mai Linh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Hoàng Trọng Tuấn	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Hương Giang	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thái	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Cao Thị Vân Anh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Đỗ Thị Thúy Anh	X	Chuyên khoa cấp I	Tâm thần
		Nguyễn Võ Hoàng Anh	X	Thạc sĩ	Răng hàm mặt
		Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Du	X	Thạc sĩ	Nội thần kinh
		Chu Văn Đức	X	Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh và pháp y
		Phạm Việt Dương	X	Chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa
		Nguyễn Thị Giang	X	Thạc sĩ	Vi sinh vật học
		Nguyễn Thị Hương Giang	X	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
		Đinh Thị Thúy Hà	X	Thạc sĩ	Nội tổng hợp
		Lê Thị Việt Hà	X	Tiến sĩ	Hóa sinh học
		Lê Thị Hằng	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Dương Thị Thủy Hòa	X	Chuyên khoa cấp I	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
		Nguyễn Xuân Hòa	X	Tiến sĩ	Ngoại thần kinh-sọ não
		Phạm Thái Hưng	X	Tiến sĩ	Ngoại Long ngực
		Mai Thị Hương	X	Thạc sĩ	Tâm lý học
		Nguyễn Thị Hương	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Trần Thị Thu Hương	X	Tiến sĩ	Nội thận - tiết niệu
		Đỗ Thị Hường	X	Thạc sĩ	Sinh lý học
		Phạm Quỳnh Lâm	X	Thạc sĩ	Phụ khoa
		Đỗ Thị Hương Lan	X	Thạc sĩ	Hóa sinh y học

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Nguyễn Thị Hồng Loan	X	Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
		Phạm Hà Ly	X	Thạc sĩ	Nhi khoa
		Phạm Thị Miền	X	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
		Trần Thị Minh	X	Thạc sĩ	Nội khoa
		Phạm Thị Nga	X	Thạc sĩ	Điều dưỡng
		Trần Văn Phú	X	Tiến sĩ	Nội khoa
		Phí Văn Phương	X	Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số
		Nguyễn Ngọc Quỳnh	X	Tiến sĩ	Kinh tế học (Toán kinh tế)
		Đặng Việt Sinh	X	Thạc sĩ	Bệnh học Nội khoa
		Nguyễn Thị Phương	X	Chuyên khoa cấp I	Răng hàm mặt
		Vũ Thị Thơm	X	Thạc sĩ	Da liễu
		Bùi Thị Hương Thu	X	Thạc sĩ	Nhi khoa
		Trần Thị Kim Thư	X	Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
		Nguyễn Huyền Trang	X	Thạc sĩ	Mô phôi thai học
		Nguyễn Thị Nha Trang	X	Thạc sĩ	Di truyền học
		Nguyễn Trọng Trí	X	Đại học	Y khoa
		Ngô Văn Trọng	X	Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
		Chu Anh Tuấn	X	Thạc sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
		Tống Thị Mai Vân	X	Thạc sĩ	Nội khoa
		Nguyễn Đăng Yên	X	Chuyên khoa cấp I	Ung thư
		Quách Thị Yên	X	Tiến sĩ	Mô học và phôi thai học
		Trần Hải Yến	X	Thạc sĩ	Nội khoa

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Phạm Thanh Tùng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Đồng	X	Thạc sĩ	Răng hàm mặt
		Vũ Đức Định	X	PGS. Tiến sĩ	Nội - Tiêu hóa
		Nguyễn Mạnh Khánh	X	PGS. Tiến sĩ	Chấn thương chỉnh hình
		Trần Văn Thanh	X	PGS. Tiến sĩ	Thần kinh
		Nguyễn Thị Thái Hòa	X	Tiến sĩ	Ung thư
		Bùi Nam Phong	X	Tiến sĩ	Nội khoa
		Nguyễn Hoàng Linh Chi	X	Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
		Nguyễn Thị Như Quỳnh	X	Thạc sĩ	Giải phẫu bệnh
		Đỗ Hải Anh	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Nguyễn Minh Hoàng	X	Đại học	Y khoa
		Trần Nhật Linh	X	Thạc sĩ	Y khoa
		Lê Văn Quyết	X	Đại học	Xét nghiệm y học
		Phạm Quang Khải	X	Đại học	Y đa khoa
		Nguyễn Thị Vân Anh	X	Thạc sĩ	Hóa phân tích
		Vũ Thị Lan Anh	X	Thạc sĩ	Y học
		Nguyễn Ngọc Đăng	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Đào Văn Định	X	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học
		Nguyễn Phương Dung	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Nguyễn Tiến Dũng	X	Tiến sĩ	Hóa hữu cơ
		Phùng Bá Dương	X	Thạc sĩ	Hóa sinh
		Nguyễn Thị Châu Giang	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Lê Thị Thu Hà	X	Thạc sĩ	Dược liệu - Dược thực vật

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Lương Thị Thu Hà	X	Thạc sĩ	Y học dự phòng
		Đào Thúy Hằng	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thị Thu Hằng	X	Thạc sĩ	Vi sinh vật học
		Bùi Thị Hào	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Nguyễn Thị Hiền	X	Thạc sĩ	Dược học cổ truyền
		Trần Thị Thu Hiền	X	Tiến sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Trần Thị Thu Hiền	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Bàng Thị Hoài	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Tô Lê Hồng	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Trần Thị Thu Hương	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
		Trương Thị Thu Hương	X	Thạc sĩ	Hóa phân tích
		Nguyễn Quốc Huy	X	PGS. Tiến sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Lê Đức Khang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Phương Liên	X	Thạc sĩ	Kiểm nghiệm dược phẩm và độc chất học
		Đào Văn Lưu	X	Thạc sĩ	Hóa sinh Dược
		Đặng Thị Nga	X	Thạc sĩ	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
		Nguyễn Thị Thu Nga	X	Chuyên khoa cấp I	Dược liệu và quản lý dược
		Bùi Thị Ngoan	X	Thạc sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Nguyễn Phương Nhị	X	Thạc sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
		Trần Hồng Nhung	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Thị Hồng Nhung	X	Thạc sĩ	Tổ chức quản lý Dược
		Đỗ Văn Pha	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng

Dược

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
		Đỗ Lan Phương	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Hoàng Thị Phương	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Hoàng Thị Thu Phương	X	Thạc sĩ	Sinh lý học thực vật
		Nguyễn Văn Quân	X	Tiến sĩ	Tổ chức quản lý Dược
		Đỗ Thị Hồng Sâm	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
		Trần Văn Thanh	X	Tiến sĩ	Công nghệ dược phẩm và bào chế
		Nguyễn Thị Thơm	X	Thạc sĩ	Tổ chức quản lý dược
		Nguyễn Thị Minh Thu	X	Tiến sĩ	Dược lý
		Nguyễn Thị Thùy Trang	X	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học
		Đỗ Thị Tô Uyên	X	Thạc sĩ	Sinh thái học
		Trần Thị Hoài Vân	X	Thạc sĩ	Hóa phân tích
		Nguyễn Duy Thức	X	Chuyên khoa cấp II	Dược lý và Dược lâm sàng
		Vũ Đức Lợi	X	PGS. Tiến sĩ	Dược học cổ truyền
		Nguyễn Hoàng Linh Chi	X	Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
		Trần Thị Phương	X	Tiến sĩ	Dược học
		Phùng Thanh Long	X	Tiến sĩ	Dược liệu - Dược học cổ truyền

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIÁM ĐỐC

Họ tên: Trần Đức Hữu

Chữ ký:

Điện thoại: 0983951056

Email: ts.bs.huu@gmail.com

Người lập bảng

- Về viên chức:

Nguyễn Quốc Huy

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
----	--	---	---	-------------------------	---------------------------

Lê Thị Hằng

- Về cán bộ ngoài HV được BN/GNV:

Vũ Thị Huệ

- Phân giảng viên vào các ngành:

Lê Thị Hạnh

**DANH SÁCH GIÁNG VIÊN THÌNH GIÁNG
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thình giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
I	<i>Tiến sỹ</i>					
1	Ngành Y học cổ truyền	Phạm Bá Tuyên	x	Phó Giáo sư, Tiến sỹ	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Bộ Công an
		Trần Phương Đông	x	Tiến sỹ	Y học cổ truyền	BV Châm cứu TW
II	<i>Thạc sỹ</i>					
		Nguyễn Bá Quang	x	Phó Giáo sư, Tiến sỹ	Y học cổ truyền	BV Châm cứu TW
		Nguyễn Văn Tâm	x	Tiến sỹ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Khánh Vân	x	Tiến sỹ	Tai - Mũi - Họng	BV Tai mũi họng TW
		Hoàng Thị Hoa Lý		Tiến sỹ	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BYT
		Nguyễn Bội Hương	x	Tiến sỹ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW
		Phí Thị Thái Hà	x	Tiến sỹ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
1	Ngành Y học cổ truyền	Trần Thị Phương Linh	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV Y học cổ truyền TW
		Lê Thị Thu Hương	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Nguyễn Văn Lâm	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Cao Vũ Hùng	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Luu Thị Mỹ Thực	x	Tiến sĩ	Dinh dưỡng	Bệnh viện Nhi TW
		Hoàng Thị Bích Ngọc	x	Tiến sĩ	Khoa học y sinh	Bệnh viện Nhi TW
		Nguyễn Hoàng Trung	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Quý	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Thanh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Hoàng Anh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Mai Thị Dương	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Hoàng Văn Anh	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Nguyễn Việt Dũng	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện 19-8
		Nguyễn Đình Hòa	x	Thạc sĩ	Chấn thương chỉnh hình và tạo hình	Bệnh viện Việt Đức
III	<i>Chuyên khoa I</i>					
		Trần Thái Hà	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Nguyễn Bá Quang		Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV Châm cứu TW
		Trịnh Thị Diệu Thường		Giáo sư	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BYT
		Đỗ Thị Hà	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Hóa dược	Viện Dược liệu
		Cung Văn Công	x	Tiến sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Hoàng Văn Lương	x	Tiến sĩ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Đỗ Mạnh Hùng	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
		Trần Hồng Trâm	x	Tiến sĩ	Vi sinh vật học	Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Duy Thái	x	Tiến sĩ	Vận động và hành vi cho Sức khỏe và tự chủ	Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế
		Nguyễn Tiến Quang	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Đức Long	x	Tiến sĩ	Tim mạch	Bệnh viện Đa khoa Xanh P
		Phạm Huy tần	x	Tiến sĩ	Tai Mũi Họng	Bệnh viện Đại học Y HN
		Phạm Thị Xuyên	x	Tiến sĩ	Quản lý bệnh viện	Bệnh viện Tuệ Tĩnh
		Đậu Cử Nhân	x	CKII	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Trần Quốc Khánh	x	CKII	Y học cổ truyền	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Võ Thị Mỹ Hòa	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P
		Vương Thúy Hoài	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Truyền nhiễm	Bệnh viện Đa khoa Hà Đôn
		Nguyễn Quang Phú	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Hà Đôn
		Nguyễn Thị Hải	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Hồ Phi Đông	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
	Ngành Y học cổ truyền	Hồ Sỹ Thắng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Võ Lưu Hòa	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Nguyễn Văn Thủy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Châu Thị Bích Thủy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Nguyễn Hương Sen	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội khoa	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Phạm Hồng Thái	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Lương Văn Tuấn	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Đình Khắc Tiếp	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Thị Hồng Liên	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Thị Kim Thành	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Lê Đình Vinh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Phạm Ngọc Liễu	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Dương Thị Ánh Ngọc	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Nguyễn Thị Thúy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Đỗ Thị Tuyết Nhung	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Phạm Thị Hiền	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		H Lang Niê	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Phạm Tiến Hưng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Phan Thị Lan	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
	Ngành Châm Cứu	Phạm Hồng Vân	x	PGS.TS, BS	TS.Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
	Ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền	Trần Thị Oanh		Tiến sĩ	Dược học	Cục KHCN &ĐT
		Phương Thiện Thương	X	Tiến sĩ	Dược học	Viện Dược liệu

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
IV	<i>Chuyên khoa II</i>					
	Vũ Nam		X	PGS.TS	PGS.TS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
	Phạm Văn Bình		X	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại tiêu hóa	Bệnh viện K
	Hà Huy Tài		X	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
	Lê Minh Kỳ		X	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Tai - Mũi - Họng	Đại học Y Dược, ĐH Quốc gia HN
	Trần Quốc Bình		X	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW
	Hoàng Kim Ước		X	Tiến sĩ	Y tế công cộng	BV Nội Tiết TW
	Nguyễn Bội Hương		X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW
	Phí Thị Thái Hà		X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW
	Nguyễn Thị Khánh Vân		x	Tiến sĩ	Tai - Mũi - Họng	BV Tai mũi họng TW
	Trần Thị Phương Linh		X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV Y học cổ truyền TW
	Trần Văn Thanh		X	PGS.TS, BS	TS.Y học chuyên ngành Châm cứu	BV Châm cứu TW

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Vũ Thị Vui	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi khoa	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Trần Quốc Khánh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Đức Như	X	Tiến sĩ	Y Sinh học Di truyền	Viện pháp y quốc gia
		Nguyễn Hồng Long	X	Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh-Pháp y	Viện pháp y quốc gia
		Vũ Xuân Huy	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Thị Thúy Hằng	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ung thư	Bệnh viện K
		Sầm Hữu Hòa	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình
		Cầm Thị Hương	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội khoa	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Hoàng Trung	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Quý	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Thị Thanh	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Nguyễn Hoàng Anh	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa
	Mai Thị Dương	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện y dược cổ truyền Thanh Hóa	

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Thị Hải	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
3		Hò Phi Đông	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Hò Sỹ Thắng	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
V	Bác sĩ Nội trú	Võ Lưu Hòa	X	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Nghệ An
		Nguyễn Văn Tâm	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
		Hoàng Thị Hoa Lý		Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BHYT
1	Ngành Y học cổ truyền	Dương Trọng Nghĩa	X	PGS.TS.BSCKII	TS.BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Phạm Hồng Vân	X	PGS.TS, BS	TS.Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
		Hoàng Thanh Tuyên	X	PGS.TS	TS chuyên ngành Nội tiêu hóa	Bệnh viện 19-8
VI	Đại học chính quy					
1	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Song Hương	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Dương Quốc Nghị	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Hoàng Văn Anh	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Nguyễn Hương Sen	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội khoa	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Nguyễn Mỹ Bình	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai
		Cầm Thị Hương	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội khoa	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Phạm Hồng Thái	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Lương Văn Tuấn	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Đình Khắc Tiếp	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Thị Hồng Liên	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Nguyễn Thị Kim Thành	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YDCT tỉnh Sơn La
		Sầm Hữu Hào	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình
		Hồ Tiến Dũng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Như Huyền	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình
		Bà Đức Hùng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT tỉnh Hòa Bình
		Nguyễn Thu Thủy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Cung Văn Công	x	Tiến sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Hoàng Văn Lương	x	Tiến sĩ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Nguyễn Hữu Trí	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Nguyễn Mạnh Thế	x	Bác sĩ Nội trú	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Nguyễn Thị Hằng	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Phạm Văn An	x	Bác sĩ Nội trú	Nội khoa	Bệnh viện Phổi Trung ương
		Nguyễn Việt Dũng	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện 19-8
		Đỗ Mạnh Hùng	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Trần Hồng Trâm	x	Tiến sĩ	Vi sinh vật học	Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế
		Nguyễn Duy Thái	x	Tiến sĩ	Vận động và hành vi cho Sức khỏe và tự chủ	Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế
		Nguyễn Tiến Quang	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Phạm Văn Bình	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại tiêu hóa	Bệnh viện K
		Đỗ Anh Tú	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Công Hoàng	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Vũ Xuân Huy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ung thư	Bệnh viện K
		Đoàn Trọng Tú	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Lê Thanh Đức	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Vũ Hà Thanh	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Thị Thúy Hằng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ung thư	Bệnh viện K

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Trương Công Minh	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Văn Cao	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Hàn Thị Vân Thanh	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Diệu Linh	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Hoàng Trọng Tùng	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Thị Hòa	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Nguyễn Quang Thái	x	Tiến sĩ	Phẫu thuật đại cương	Bệnh viện K
		Phạm Lâm Sơn	x	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện K
		Lê Thị Khánh Tâm	x	Tiến sĩ	Ung thư	Bệnh viện Hữu Nghị
		Hoàng Trung Dũng	x	Tiến sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Bạch Mai
		Trịnh Thị Diệu Thường	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BHYT

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Thị Hương Giang	x	Tiến sĩ	Phục hồi chức năng	Bệnh viện Nhi TW
		Trịnh Đăng Anh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Tổ chức quản lý y tế	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Lê Đình Vinh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Phạm Ngọc Liễu	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Dương Thị Ánh Ngọc	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Nguyễn Thị Thúy	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Đỗ Thị Tuyết Nhung	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Phạm Thị Hiền	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		H Lang Niê	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Phạm Tiến Hưng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk
		Phan Thị Lan	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền Đắk Lắk

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Lương Đức Dũng	x	Tiến sĩ	Dị ứng và miễn dịch	Tổng cục V
		Nguyễn Đình Hòa	x	Thạc sĩ	Chấn thương chỉnh hình và tạo hình	Bệnh viện Việt Đức
		Trần Thái Hà	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Nguyễn Thị Thu	x	Thạc sĩ	Chuyên ngành sản phụ khoa	Bệnh viện Thanh Nhân
		Lê Văn Đạt	x	Bác sĩ nội trú	Nội trú chuyên ngành sản phụ khoa	Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội
		Nhâm Tuấn Anh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Tai Mũi	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Nguyễn Thị Thúy Hằng	x	Tiến sĩ	Ngành nội	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Bàn Thị Huệ	x	Bác sĩ nội trú	Ngành nội	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Phạm Thị Ánh Xuân	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Khoa cấp	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Nguyễn Thị Hậu	x	Thạc sĩ	Chuyên ngành nội khoa	Bệnh viện Tuệ Tĩnh
		Trần Văn Sơn	x	Tiến sĩ	Chuyên ngành quản lý kinh tế	Đã nghỉ hưu

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Đức Long	x	Tiến sĩ	Tim mạch	Bệnh viện Đa khoa Xanh P
		Phạm Huy tán	x	Tiến sĩ	Tai Mũi Họng	Bệnh viện Đại học Y HN
		Phạm Thế Anh	x	Tiến sĩ	Ngoại tiêu hóa	Bệnh viện K
		Phạm Gia Anh	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
		Phạm Thị Xuyên	x	Tiến sĩ	Quản lý bệnh viện	Bệnh viện Tuệ Tĩnh
		Nguyễn Thế Vỹ	x	Tiến sĩ	Da liễu	Bệnh viện Da liễu Hà Nội
		Trần Phan Ninh	x	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện Nhi TW
		Nguyễn Đức Như	x	Tiến sĩ	Y Sinh học Di truyền	Viện pháp y quốc gia
		Nguyễn Hồng Long	x	Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh-Pháp y	Viện pháp y quốc gia
		Phạm Quốc Chính	x	Tiến sĩ	Kiểm nghiệm Thuốc và Độc chất	Viện pháp y quốc gia
		Lê Anh Hào	x	Tiến sĩ	Hóa học	Viện pháp y quốc gia
		Hà Hữu Hào	x	Thạc sĩ	Sinh học	Viện pháp y quốc gia
		Vương Trương Trọng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Truyền nhiễm	Bệnh viện Đa khoa Hà Đôn
		Bùi Tuấn Anh	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Đa khoa Hà Đôn
		Nguyễn Trọng Nghĩa	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Hà Đôn

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Dương Thị Nhài	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa Hà Nội
		Vương Thúy Hoài	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Truyền nhiễm	Bệnh viện Đa khoa Hà Nội
		Nguyễn Quang Phú	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Hà Nội
		Trần Ngọc Lương	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa	BV Nội Tiết TW
		Phan Hương Dương	x	Tiến sĩ	Y tế công cộng	BV Nội Tiết TW
		Trần Đoàn Kết	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	BV Nội Tiết TW
		Đinh Văn Trục	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Minh Tuấn	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Hoàng Kim Ước	x	Tiến sĩ	Y tế công cộng	BV Nội Tiết TW
		Vũ Thị Hiền Trinh	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Minh Hùng	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Thu Hiền	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Lê Quang Toàn	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Hồ Khải Hoàn	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Thị Ngọc Huyền	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Hồng Hạnh	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Lê Thị Việt Hà	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Đặng Thị Mai Trang	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Nguyễn Ngọc Thiện	x	Thạc sĩ	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	BV Nội Tiết TW
		Tôn Thất Kha	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Trần Kim Oanh	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Phạm Tuấn Phương	x	Thạc sĩ	Nội khoa	BV Nội Tiết TW
		Phạm Thị Lan	x	Thạc sĩ	Y tế công cộng	BV Nội Tiết TW
		Lê Minh Kỳ	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Tai - Mũi - Họng	Đại học Y Dược, ĐH Quốc gia HN
		Nguyễn Thị Khánh Vân	x	Tiến sĩ	Tai - Mũi - Họng	BV Tai mũi họng TW
		Hoàng Thị Hoa Lý	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BYT
		Trần Quốc Bình	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW
		Nguyễn Bội Hương	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW
		Phí Thị Thái Hà	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV YHCT TW

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Trần Thị Phương Linh	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	BV Y học cổ truyền TW
		Hà Huy Tài	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Đỗ Tấn	x	Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Nguyễn Quốc Anh	x	Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Thắm Trương Khánh Vân	x	Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Lê Xuân Cung	x	Tiến sĩ	Mắt	Bệnh viện Mắt TW
		Đào Minh Tuấn	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Lê Thị Thu Hương	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Nguyễn Văn Lâm	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Cao Vũ Hùng	x	Tiến sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Lưu Thị Mỹ Thực	x	Tiến sĩ	Dinh dưỡng	Bệnh viện Nhi TW
		Đặng Thúy Hà	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Trương Mạnh Tú	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Hoàng Thị Bích Ngọc	x	Tiến sĩ	Khoa học y sinh	Bệnh viện Nhi TW

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Nguyễn Đình Hưng	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Nguyễn Văn Thường	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Đoàn Duy Hùng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Phan Tùng Lĩnh	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Nguyễn Đức Bình	x	Thạc sĩ	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Võ Thị Mỹ Hòa	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Phan Thị Kim Dung	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Thái Bằng Giang	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Lương Thu Hương	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Nguyễn Thị Bảo Liên	x	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Vũ Văn Khâm	x	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Nguyễn Bá Thắng	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.
		Nguyễn Đình Hiến	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P.

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
		Bùi Thị Ngọc	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P
		Hoàng Minh Trung	x	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P
		Trần Ngọc Sơn	x	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P
		Nguyễn Mạnh Hùng	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P
		Nguyễn Quốc Vinh	x	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P
		Ngô Trung Kiên	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Xanh P
		Nguyễn Thành Vinh	x	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Thanh Nhân
		Nguyễn Văn Dũng	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT thành phố Đà Nẵng
		Đặng Thị Hoàng Tuyền	x	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Dương Văn Tâm	x	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Vũ Thị Vui	x	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi khoa	Bệnh viện Châm cứu Trung ương
		Trần Quốc Khánh	x	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Châm cứu Trung ương

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
----	--	--	--	-------------------------	---------------------------	-----------------------

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Huy

Người lập bảng

Họ tên: Trần Đức Hữu

Chữ ký:

Điện thoại: 0983951056

Email: ts.bs.huu@gmail.com

Ghi chú:

- (1) Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng theo số lượng đã báo cáo tại Biểu mẫu "Báo cáo số lượng giảng viên hiện tại"
- (2) ND 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

**BÁO CÁO SƠ CƠ SỞ THỰC HÀNH
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

(Theo công văn số 1234/HVYDCT-SDH ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

TT	Ngành/ Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác			
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định <i>(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)</i>	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chi khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định <i>(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)</i>	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	
I	Tiến sỹ									
I	Tiến sỹ									
1	Y học cổ truyền	Bệnh viện Tuệ Tĩnh Bệnh viện YHCT TW Quân Đội	Đang triển khai Đã công bố Chưa công bố	Đang triển khai Đã công bố Chưa công bố						
II	Thạc sỹ	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai							
									32 BV YHCT	Đang triển khai

BV PHCN HN	Đã công bố	<u>Bệnh viện PHCN</u>							
BV Đồng đa	Đã công bố	<u>Đa khoa Đồng Đa</u>							
BV Tâm thần TW									
BV Việt Đức	Đã công bố	<u>Việt Đức</u>					BV Bạch Mai	Đã công bố	<u>Bạch Mai</u>
BV Mắt TW									
BV Nhi TW	Đã công bố	<u>Nhi</u>							
BV TMH TW									
BV E	Đã công bố	<u>BV E</u>							
BV Nội tiết TW	Đã công bố	<u>Nội tiết</u>							
BV Da liễu TW	Đã công bố	<u>Da liễu</u>							
BV 19.8 - Bộ CA	Đã công bố	<u>BV 19-8</u>							
BV Phụ sản HN	Đang triển khai								
BV Thanh Nhân	Đã công bố	<u>Thanh Nhân</u>							
BV Xanh Pôn	Đã công bố								
BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	<u>ĐK Hà Đông</u>							
BV ĐK YHCT Hà Nội	Đã công bố	<u>ĐK YHCT Hà Nội</u>							

3	Dược học	BV PHCN HN	Đã công bố	Bệnh viện PHCN				
		BV Đổng đa	Đã công bố	Đa khoa Đổng Đa				
		BV Tâm thần TW						
		BV Mắt Hà Đông	Đã công bố	Mắt Hà Đông				
		BV Thanh Nhân	Đã công bố	Thanh Nhân				
		BV Xanh Pôn	Đã công bố					
		BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	ĐK Hà Đông				
		BV Ung Bướu Hà Nội	Đã công bố	Ung bướu HN				
		Công ty Dược Khoa						
		Công ty dược phẩm Mediplantex						

** Danh sách 28 BV YHCT tuyển tình (Thực tập nghề nghiệp)*

1. BV YHCT 15. BV YHCT Hòa Bình
2. BV YDCT 16. BV YHCT Điện Biên
3. BV YHCT 17. BV YHCT Lai Châu
4. BV YDCT 118. BV YHCT Lạng Sơn
5. BV YHCT 119. BV YHCT Lào Cai
6. BV YDCT 120. BV YHCT Nam Định
7. BV YDCT 21. BV YHCT Nghệ An
8. BV YDCT 22. BV YHCT Ninh Bình
9. BV YDCT 23. BV YHCT Thái Nguyên
29. Viện Y học dân tộc TP HCM
30. BV 175
31. BV Thủ Đức, TP HCM
32. BV YHCT Thái Bình

10. BV YDC' 24. BV YHCT Quảng Nam
11. BV YHC' 25. BV YHCT Vĩnh Phúc
12. BV YHC' 26. BV YHCT Yên Bái
13. BV YHC' 27. BV YDCT & PHCN Bắc Ninh
14. BV YHC' 28. BV YDCT & PHCN Phú Thọ

Biểu mẫu 10: BCTS-CSTH-K2Đ10

BÁO CÁO CƠ SỞ THỰC HÀNH ĐẠT YÊU CẦU THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2, ĐIỀU 10

(Theo công văn số 1234/HVYDCT-SDH ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Trình bày theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ CKI, CKII, BSNT (mục 3, mục 4, mục 5 có thể gộp chung nếu cùng tổ chức thực hành tại 1 cơ sở thực hành)

STT	CÁCH HỒ SƠ VÀ NỘI DUNG YÊU CẦU
1	Khung chương trình đào tạo
2	Khung chương trình đào tạo thực hành lâm sàng
3	Bản chi tiết công bố của cơ sở thực hành là cơ sở khám bệnh (trích phần công bố đạt yêu cầu đào tạo ngành/chuyên ngành CKI, CKII, BSNT mà cơ sở giáo dục xác định chi tiêu)
4	Bản hợp đồng nguyên tắc theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP
5	Bản hợp đồng chi tiết



Phụ lục 4 (a)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

TRÌNH ĐỘ:

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

1. Họ và tên (chữ in hoa): Nam Nữ
 2. Ngày sinh: Nơi sinh: Dân tộc:
 3. Quê quán :
 4. Địa chỉ thường trú:
 5. Ngày vào Đảng CSVN: Ngày chính thức
 6. Đối tượng dự thi : Biên chế: Hợp đồng : Thí sinh tự do:
Đối tượng khác (Ghi cụ thể)
 7. Đối tượng ưu tiên (nếu có): Thương binh: Con liệt sĩ : Anh hùng LLVT :
Người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn: Con nạn nhân chất độc da cam:
Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên ở các xã thuộc vùng khó khăn:
 8. Nghề nghiệp chức vụ (ghi rõ chức vụ):
 9. Cơ quan công tác hiện nay:
 10. Địa chỉ cơ quan:
 - 11a. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp đại học
 - b. Thâm niên công tác chuyên môn YHCT.
 - c. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp Sau đại học.
 - d. Thời gian công tác liên tục trong chuyên ngành dự tuyển:
12. Văn bằng:

Tốt nghiệp đại học năm: Chuyên ngành:

Nơi tốt nghiệp:

Hệ đào tạo: Chính quy Tại chức Chuyên tu Mở rộng Khác

Xếp loại: Trung bình Trung bình khá Khá Giỏi Xuất sắc

Tốt nghiệp Sau đại học: Cao học BS nội trú Chuyên khoa I Chuyên khoa II

Ngày tốt nghiệp: Chuyên ngành:

Nơi tốt nghiệp: Điểm bảo vệ luận văn

Xếp loại: Trung bình Trung bình khá Khá Giỏi Xuất sắc

- 13. Văn bằng đại học khác (nếu có)
- 14. Chứng chỉ định hướng chuyên khoa (nếu có)
- 15. Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển:
- a. Diện thi ngoại ngữ (ghi rõ ngoại ngữ dự tuyển)
- b. Diện miễn ngoại ngữ (ghi rõ loại văn bằng ngoại ngữ)
- 16. Công trình nghiên cứu, bài báo khoa học (ghi số lượng đề tài tham gia đã nghiệm thu có minh chứng kèm theo và / hoặc số bài báo khoa học đã đăng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thành tích nghiên cứu khoa học (Bằng lao động sáng tạo, Giấy khen, Giải thưởng về khoa học công nghệ cấp trường trở lên):

.....

.....

.....

.....

17. Đăng ký dự tuyển NCS chuyên ngành (ghi rõ như trong thông báo tuyển sinh):

.....

18. Địa chỉ liên hệ

.....

Số điện thoại của thí sinh: Email:

Tôi xin cam thực hiện đầy đủ quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo hiện hành, quy định của Học viện và cơ quan cử đi học

Những điều ghi trong đơn là đúng sự thật,, tự nguyện đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh năm 202....., nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

.....ngày.....tháng.....năm 202...
NGƯỜI DỰ TUYỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dùng cho người dự tuyển Nghiên cứu sinh)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

Email:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến:

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến:

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến:

Nơi học (trường, thành phố):

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

III. QUA TRÌNH CÔNG TÁC KẾ TỪ KHAI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

.....

8. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

2. Mức độ sử dụng:

7. Trình độ ngoại ngữ: 1. Mức độ sử dụng:

Người hướng dẫn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Tên luận án, luận văn:

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hình thức đào tạo:

6. Chuyên khoa II

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hình thức đào tạo:

4. Chuyên khoa I

Người hướng dẫn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Tên luận văn:

Chuyên ngành:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho người hướng dẫn Nghiên cứu sinh *)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

Email:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo:

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo:

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

III. QUA TRÌNH CÔNG TÁC KẾ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

.....

8. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

.....
 2. Mức độ sử dụng:

7. Trình độ ngoại ngữ: 1. Mức độ sử dụng:

Người hướng dẫn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Tên luận án, luận văn:

.....

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hình thức đào tạo:

6. Chuyên khoa II Thời gian đào tạo từ: / đến

.....

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hình thức đào tạo:

4. Chuyên khoa I Thời gian đào tạo từ: / đến

.....

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hệ đào tạo:

Thời gian đào tạo từ: / đến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho người dự tuyển Nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại cơ quan/Nhà riêng/Di động:

Email:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo:

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo:

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo:

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Nhà nước, Bộ, Ngành, Trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

III. QUA TRÌNH CÔNG TÁC KẾ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

.....

8. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

2. Mức độ sử dụng:
 7. Trình độ ngoại ngữ: 1. Mức độ sử dụng:

Người hướng dẫn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Tên luận án, luận văn:

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

6. Chuyên khoa II

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

4. Chuyên khoa I

Người hướng dẫn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho người hướng dẫn Nghiên cứu sinh *)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại cơ quan/Nhà riêng/Di động:

Email:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo:

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo:

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo:

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Nhà nước, Bộ, Ngành, Trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

III. QUA TRÌNH CÔNG TÁC KÈ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

.....

8. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

2. Mức độ sử dụng:

7. Trình độ ngoại ngữ*: 1. Mức độ sử dụng:

Người hướng dẫn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Tên luận án, luận văn:

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hình thức đào tạo:

Thời gian đào tạo từ: / đến /

6. Chuyên khoa II

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hình thức đào tạo:

Thời gian đào tạo từ: / đến /

4. Chuyên khoa I

Chuyên ngành:

Nơi học (trường, thành phố):

Hình thức đào tạo:

Thời gian đào tạo từ: / đến /

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

GIẤY CHẤP THUẬN HƯỞNG DẪN KHOA HỌC
CHO NGHIÊN CỨU SINH NĂM 202...
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Kính gửi: Ban giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

Tên tôi là:

Học hàm: Năm phong: Học vị: Năm bảo vệ:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: Di động: Nhà riêng: Cơ quan:

Email:

Số tài khoản: Tài ngân hàng:

Mã số thuế cá nhân:

Số Nghiên cứu sinh (chưa bảo vệ cấp trường) hiện đang hướng dẫn:

Tôi đồng ý nhận hướng dẫn khoa học với tư cách là người hướng dẫn (thứ nhất/ hai):

cho Anh/ Chi: đã đăng ký dự tuyển

đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành:

được công nhận là Nghiên cứu sinh năm 202 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt

Nam.

Đề tài nghiên cứu dự kiến hoặc hướng nghiên cứu:

.....

Tôi cam kết thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của người hướng dẫn Nghiên cứu sinh và Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ của Bộ Giáo Dục & Đào tạo, các Quy định của Học viện.

Y KIẾN CỦA VIỆN/KHOA/BỘ MÔN ĐÀO TẠO **NGƯỜI DƯỠNG HƯỚNG DẪN**
NCS
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Các Viện/Khoa/Bộ môn cần rà soát lại tiêu chuẩn của người hướng dẫn trước khi ký đồng ý)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

THƯ GIỚI THIỆU THÍ SINH DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

Tên tôi là:

Học hàm: Năm phong: Học vị: Năm bảo vệ:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: - Cơ quan: Fax: Di động:

- Nhà riêng:

- Email:

Tôi đã có thời gian trên 06 tháng công tác, hoạt động chuyên môn với ông/bà:

..... là thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh khóa

..... năm 202... của; thuộc chuyên ngành:

Tôi có những nhân xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển như sau:

1. Phẩm chất đạo đức, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp:

2. Năng lực hoạt động chuyên môn:

3. Phương pháp làm việc:

4. Khả năng nghiên cứu:

5. Khả năng làm việc theo nhóm:

6. Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển:

7. Triền vọng phát triển về chuyên môn:

8. Những nhân xét khác và mức độ ưng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh:

Tôi xin cam đoan những nhân xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của thí sinh

dự tuyển Nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới

thiệu thí sinh: với nhà trường để đăng kí dự

xét tuyển Nghiên cứu sinh khóa năm 202... của Học viện Y - Dược học cổ truyền

Việt Nam.

Xin chân thành cảm ơn.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NGƯỜI GIỚI THIỆU

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GIỚI THIỆU

(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN

TRÌNH BÀY BỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Y HỌC

(Dành cho ứng viên nghiên cứu sinh đào tạo trình độ tiến sĩ)

1. Bộ cục đề cương nghiên cứu khoa học y học

- Trang bìa chính (phụ lục 1)

- Trang phụ bìa (phụ lục 2)

- Danh mục các chữ viết tắt (phụ lục 3)

- Mục lục

- Danh mục các bảng

- Danh mục biểu

- Đặt vấn đề

- Mục tiêu nghiên cứu

- Chương 1: Tổng quan tài liệu (không đánh chữ số La Mã)

1.1. ...

1.2.

- Chương 2: Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu :

2.1.2. Tiêu chuẩn lựa chọn:

2.1.3. Tiêu chuẩn không lựa chọn

2.2. Địa điểm nghiên cứu

2.3. Thời gian nghiên cứu

2.4. Thiết kế nghiên cứu

2.5. Cơ mẫu

2.6. Phương pháp chọn mẫu

2.7. Các biến số và chỉ số nghiên cứu

2.8. Trình bày phương pháp thu thập số liệu/ phương tiện nghiên cứu

cứu

2.9. Các loại sai số và biện pháp khắc phục sai số

2.10. Phương pháp phân tích số liệu

2.11. Hạn chế của nghiên cứu

2.12. Vấn đề đạo đức của nghiên cứu

- Chương 3: Dự kiến kết quả nghiên cứu

3.1. ...

3.2. ...

- Chương 4: Dự kiến bản luận

- Dự kiến kết luận

- Dự kiến khuyến nghị

- Kế hoạch thực hiện nghiên cứu

- Dự toán kinh phí

- Tài liệu tham khảo

- Phụ lục: ít nhất phải có Bộ công cụ nghiên cứu

2. Hướng dẫn về hình thức trình bày đề cương luận án dự tuyển

2.1. Soạn thảo văn bản

- Giấy trắng, khổ giấy A4(21 × 29,7 cm), in trên một mặt của tờ giấy

- Font chữ Unicode (Time New Roman), cỡ chữ 13, hệ soạn thảo

WINWORD, dàn dòng đặt ở chế độ 1,5 Lines.

- Lệ trái cách 3,5 cm, lề phải 2 cm, lề trên 3cm, lề dưới 3cm. Số trang

được đánh ở giữa phía trên đầu mỗi trang giấy, danh số từ phần đặt

vấn đề (theo chữ số A tập 1, 2, 3).

- Nội có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu

bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

- Phải đóng thành quyển có bìa như hướng dẫn

- Đề cương phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ,

không tẩy xóa, không có lỗi chính tả...

2.2. Danh số từ tự bảng, biểu, hình, công thức

- Đánh theo số chương và thứ tự của bảng/biểu/hình/công thức trong

chương (VD: Bảng 2.3 là bảng thứ ba trong chương 2)

- Sau số bảng là tên của bảng/biểu/hình/công thức (VD: Bảng 2.3: Phân

loại mức độ đau)

- Chú ý ghi đầy đủ đơn vị tính (nếu có)

- Nếu các bảng/biểu/hình/công thức trình bày theo chiều ngang khô

giấy thì đầu bảng là lề trái của trang

- Phải ghi nguồn của thông tin trong bảng/biểu/hình/công thức. Cách

ghi giống như trích dẫn tài liệu tham khảo và ghi ở bên dưới

bảng/biểu/hình/công thức.

2.3. Đánh số các chương, mục và tiêu mục

- Sử dụng số A rập, không dùng chữ số La Mã

- Không nên chia tiêu mục quá 4 chữ số

- Căn có tiêu đề cho các chương, mục và tiêu mục

- Tên chương, mục và tiêu mục cần được viết thông nhất cho mỗi loại

về kiểu chữ, khổ chữ và độ đậm nhạt... trong suốt đề cương luận án

- Tên chương được viết trên đầu trang mới, dưới tên chương nên để

trong 2 dòng.

- Không để tên mục, tiêu mục ở cuối chân trang

2.4. Viết tắt

- Không làm dùng việc viết tắt trong đề cương luận án dự tuyển. Chỉ

viết tắt những từ hoặc cụm từ là danh từ, thuật ngữ không dài quá và

được sử dụng nhiều lần trong đề cương luận án.

- Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt

những cụm từ ít xuất hiện trong đề cương luận án.

- Viết tắt các từ nước ngoài phải theo quy định quốc tế.

- Chữ cần viết tắt khi xuất hiện lần đầu trong đề cương luận án được

viết đầy đủ và liên đó đặt ký hiệu viết tắt của chữ đó trong ngoặc đơn.

Ký hiệu viết tắt phải được dùng thống nhất trong toàn đề cương luận án. Không nên viết tắt trong phần tên đề tài, mục lục, dặt vấn đề và kết luận.

- Nếu ít từ viết tắt, có thể viết toàn bộ cụm từ lần đầu với chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu nhiều từ viết tắt, lập bảng các chữ viết tắt ở đầu luận án, xếp theo thứ tự ABC của chữ viết tắt

- Các ký hiệu viết tắt được viết ở phía trái, các chữ đầy đủ tương ứng viết ngang hàng phía phải của trang giấy. Trình bày xong ký hiệu này mới chuyển sang ký hiệu khác, trên những dòng tách biệt. Thứ tự trình bày ký hiệu viết tắt được xếp theo thứ tự ABC.

Mẫu bìa của đề cương nghiên cứu

1.1. Trang bìa chính: có đóng khung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Logo Học viện

(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)

HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU DỰ TUYỂN TIẾN SĨ ...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

HÀ NỘI, NĂM 20...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

1.2. Trang bìa phụ: không đóng khung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Logo Học viện

(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)

HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)

Chuyên ngành :

Mã số :

(chữ thường thẳng, in đậm cỡ 14)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU DỰ TUYỂN TIẾN SĨ ...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

Người hướng dẫn khoa học: ...

(chữ thường thẳng, in đậm cỡ 14)

HÀ NỘI, NĂM 20...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Phụ lục 5

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

**PHIẾU CHẤM XÉT TUYỂN HỒ SƠ NGHIÊN CỨU SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Họ và tên thí sinh:

Năm: 202.. Ngành: Y học cổ truyền

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
I. HỒ SƠ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH				
1	Đơn xin xét tuyển	Đúng mẫu		
2	Lý lịch khoa học	Đúng mẫu quy định và có xác nhận của đơn vị		
3	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền loại giỏi trở lên và bảng điểm.	Bản sao văn bằng công chứng		
		Bảng điểm tốt nghiệp Đại học công chứng		
	Hoặc bằng Thạc sĩ ngành YHCT và bảng điểm.	Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và thạc sĩ công chứng		
		Bảng điểm công chứng tốt nghiệp Thạc sĩ (nếu có)		
	Tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe. (CKII ; BSNT)	Bản sao văn bằng công chứng		
Bảng điểm tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe công chứng				
4	Mình chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học	Là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		công nghệ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.		
		Thư giới thiệu nghiên cứu sinh: Đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.		
5	Đề cương nghiên cứu	Dự thảo đề cương nghiên cứu		
		Kế hoạch Nghiên cứu toàn khóa		
6	Kế hoạch học tập	Dự kiến kế hoạch học tập		
7	Năng lực ngoại ngữ	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;		
	Hoặc	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;		
	Hoặc	Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư số 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
	Hoặc	Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.		
8	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).	Đúng quy định		
9	Giấy xác nhận thời gian công tác 02 năm công tác đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ	Đúng quy định		
	Hoặc Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng;	Đúng quy định		
10	Bản sao giấy khai sinh;	Đúng quy định		
11	Giấy chứng nhận sức khỏe;	Đúng quy định		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
12	Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);	Đúng quy định		

- Đánh giá chung:** Đạt không cần bổ sung
 Đạt nhưng cần phải bổ sung
 Không đạt

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI CHĂM
(Ký, ghi rõ họ tên)

**PHIẾU CHẤM ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÉT TUYỂN
NGHIÊN CỨU SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Họ và tên thí sinh:

Năm: 202.. Ngành: Y học cổ truyền

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CHẤM
Phần 1 (6,5 điểm)	Nội dung khoa học:		
	Nội dung khoa học:		
	- Bài luận định hướng nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Tên đề tài rõ ràng, mục tiêu khả thi, đo lường được, phù hợp với chuyên ngành	1 điểm	
	- Tổng quan tài liệu cập nhật, phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học, phù hợp	1 điểm	
	- Dự kiến kết quả phù hợp mục tiêu nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Kế hoạch nghiên cứu phù hợp và khả thi	0,5 điểm	
	- Bộ công cụ nghiên cứu phù hợp mục tiêu và nội dung nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Có tính sáng tạo/tính mới về nội dung hoặc giải quyết vấn đề có ý nghĩa thực tiễn, tính khả thi, không trùng lặp.	2 điểm	
Phần 2 (3 điểm)	Trả lời các câu hỏi của học viên (ít nhất 02 câu):	3 điểm	
	- Trả lời đúng: tối đa 1,5 điểm/1 câu hỏi		
	- Không trả lời/sai: 0 điểm		
Phần 3 (0,5 điểm)	Hình thức đề cương luận văn và slide báo cáo: Bố cục hợp lý, bài trình bày đẹp, tác phong trình bày tốt	0,5 điểm	
Tổng điểm	điểm	

(Người hướng dẫn cần đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh)./.

Ghi chú: Thành viên Hội đồng cho điểm theo thang điểm 10; lẻ tới 0,25 điểm
Điểm đạt: từ 5,0 điểm trở lên

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI CHO ĐIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên)

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Tiêu chuẩn của người hướng dẫn:

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

3. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;

4. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Học viện hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Học viện theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Học viện với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh./



Phụ lục 6

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ
TUYỂN**

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL	B1	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German	TestDaF Bậc 3	TestDaF Bậc 4

		TestDaF language certificate	(TDN 3)	(TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga			

u

Phụ lục 7:

Tiêu chí xét tuyển thạc sĩ định hướng nghiên cứu năm 2025

Xét tuyển: Gồm 2 phần

Phần 1: Đánh giá hồ sơ dự tuyển như sau

TT	Nội dung xét					Hồ sơ hiện có (đánh dấu ô thích hợp)	Đánh giá đạt	
	Kết quả học tập	Đại học	Trung bình học tập chung	Ngành đúng	Xuất sắc			
1	Kết quả học tập	Đại học	Trung bình học tập chung	Ngành đúng	Xuất sắc			
					Giỏi			
					Khá			
					TB/TBK			
2	Năng lực ngoại ngữ	Có năng lực ngoại ngữ Bậc 6/6 trở lên theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương						
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 5/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương						
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 4/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương						
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương						
3	Kinh nghiệm công tác chuyên môn	Từ 24 tháng trở lên công tác trong ngành/chuyên ngành hoặc đang học một chương trình BSNT của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam						
		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành						
		Từ 6 đến dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành						
		Mới tốt nghiệp đại học và công tác ít hơn 6 tháng						
4	Người dự kiến hướng dẫn Độc lập/Chính/Đồng hướng dẫn	Trong 60 tháng, là tác giả của bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus						
		Trong 60 tháng, không có công bố bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus nhưng đủ tiêu chuẩn hướng dẫn chính/độc lập/đồng hướng dẫn						

5	Kinh nghiệm và thành tích Nghiên cứu khoa học trong vòng 36 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được HEC/CDGSNN tính điểm	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
			Trên tạp chí khoa học khác	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
		Tham gia công trình nghiên cứu (Đã nghiệm thu)	Đề tài cấp Nhà nước/Bộ/Thành phố (Số đề tài x Thang điểm)	Tham gia		
			Đề tài cấp cơ sở (Số đề tài x thang điểm)	Chủ nhiệm đề tài		
				Thư ký đề tài		
		Thành tích Nghiên cứu khoa học	Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Bộ/Thành phố			
			Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Trường/Bệnh viện			
		Đánh giá phần 1				

Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên: Tổng điểm tối thiểu $\geq 5,0$

2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: Tối đa 3 điểm, chấm điểm lẻ đến 0,25

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: Tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	0,5	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, khả thi	1,0	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ	1,0	
4	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv...)	0,5	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		3,0	

**2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (Thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi):
Tối đa 7 điểm, chấm lẻ đến 0,25**

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: Nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin	1,0	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 10 phút (mỗi phút quá giờ trừ 0,1 điểm)	1,0	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (05 câu hỏi và mỗi câu trả lời được tính tối đa 1,0 điểm)	5,0	
Tổng điểm tối đa phần 2.2		7,0	

**Lưu ý: Người dự kiến hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng xét tuyển không đặt câu hỏi và chấm điểm*

Phụ lục 8

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

----- ***** -----

QUY ĐỊNH NHẬP HỌC Đối tượng: SAU ĐẠI HỌC

I. Danh mục hồ sơ trúng tuyển nhập học

1. Giấy báo nhập học (Bản gốc);
2. Sơ yếu lý lịch (Đối với học viên là cán bộ được cử đi học: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của đơn vị quản lý nhân sự đồng ý cho đi học; đối với các trường hợp khác: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban xã/phường nơi cư trú và cam kết đi học);
3. Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học;
Đối với học viên tốt nghiệp đại học tại nước ngoài, cần nộp văn bằng như sau:
 - Bằng học vị (đối với học viên tốt nghiệp đại học tại Trung Quốc);
 - Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học;
 - Giấy chứng nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng-Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Chứng chỉ định hướng YHCT và Bảng điểm học định hướng (hoặc Chứng chỉ bổ sung kiến thức hợp lệ theo quy định).
4. Bản sao Giấy khai sinh;
5. Quyết định cử đi học của đơn vị có thẩm quyền quản lý nhân sự;
6. Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động;
7. Quyết định chuyển ngạch (đối với trường hợp ban đầu chưa là Bác sĩ);
8. Giấy chuyển sinh hoạt Đảng, đoàn và các giấy tờ khác (nếu có);
9. 04 ảnh 4x6 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì);
10. Thẻ căn cước công dân (Bản công chứng);
11. Chứng chỉ hành nghề BS YHCT (Đối với đối tượng nhập học là CK1 và CK2);
12. Xác nhận thâm niên công tác (Đối với đối tượng nhập học là CK1 và CK2);
13. Bằng tốt nghiệp Sau đại học và Bảng điểm (Đối với đối tượng nhập học là CK2);

14. Bài báo khoa học (đối với Thạc sĩ có bằng tốt nghiệp Đại học xếp loại trung bình);

15. Văn bằng ngoại ngữ hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam quy định hoặc các Chứng chỉ tương đương khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép còn hiệu lực;

Ghi chú:

1. Tất cả các giấy tờ khi nộp là bản sao công chứng hợp lệ;
2. Học viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ hồ sơ của cá nhân. Nếu phát hiện giấy tờ hồ sơ không hợp lệ, có yếu tố vi phạm, học viên đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

II. Phương thức, địa điểm, thời gian nộp hồ sơ

- Nộp hồ sơ trực tiếp khi nhập học
- Địa điểm: Phòng Đào tạo sau đại học – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam Số 2 – Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

ĐT: 0433 540 277 hoặc DĐ: 0969530077

Hoặc xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>.

- Thời gian nhận hồ sơ: Theo Thông báo trúng tuyển sau đại học

III. Các khoản kinh phí cần nộp:

1. Học phí:
2. Tiền làm thẻ học viên:
3. Lệ phí thư viện:
4. Bảo hiểm y tế:

Mức đóng theo các quy định về trong thông báo mức thu năm 2025 của Học viện

h

